



CHIẾN LƯỢC SINH TỒN CỦA CÁC NƯỚC NHỎ

Nguồn: James E. Goodby (2014). "The Survival Strategies of Small Nations", *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 56, No. 5, pp. 31-39.

Biên dịch & Hiệu đính: Trần Tuấn Minh

Tác giả người Czech Milan Kundera đã từng cho rằng sự khác biệt cơ bản giữa nước lớn và nước nhỏ là ở chỗ nước nhỏ không thể tự đảm bảo sự sinh tồn của mình. Ông viết:

Nước nhỏ là một nước mà sự tồn tại của nó có thể gặp nhiều rủi ro; một nước nhỏ có thể biến mất và họ biết rõ về điều đó. Một người Pháp, Nga, và Anh thường không nghi ngờ về sự tồn tại của quốc gia mình. Trong lời quốc ca của họ chỉ tồn tại những ca từ nói về sự vĩ đại và vĩnh cửu. Tuy nhiên, lời quốc ca của Ba Lan, như chúng ta có thể thấy, được bắt đầu với câu: Ba Lan vẫn chưa suy vong..."¹

Tương tự như vậy, ông Lý Quang Diệu, cha đẻ của đất nước Singapore nhỏ bé, đã từng nói:

Để hiểu được đất nước Singapore...trước hết bạn phải bắt đầu bằng một suy nghĩ khó chịu: đất nước này không nên tồn tại. Những gì bạn nhìn thấy ngày

¹ Milan Kundera, 'The Tragedy of Central Europe', *New York Review of Books*, vol. 31, no. 7, 26 April 1984, p.8. Trích dẫn này giúp chúng ta liên tưởng đến Max Jakobson, một chính khách người Phần Lan trước đây, đã đề cập đến vấn đề này trong những bài viết của ông. Ví dụ như bài viết, *Finland Survived: An Account of the Finnish-Soviet Winter War, 1939-1940* (Helsinki: Otava Publishing, 1984) và *Finland in the New Europe* (Santa Barbara, CA: Praeger, 1998).

hôm nay – kiến trúc thượng tầng của thành phố hiện đại này ... có thể dễ dàng bị tan rã.²

Không phải tất cả các nước nhỏ đều có quan điểm cực đoan như vậy về vị trí của họ trên thế giới này, nhưng hầu hết họ đều có những kinh nghiệm lịch sử chứng minh cho mối lo sợ về sự sinh tồn của mình. Sau tất cả, tính dễ bị tổn thương của những quốc gia nhỏ này đã được chứng minh hàng vạn lần qua xuyên suốt chiều dài lịch sử của nhân loại. Chúng ta đều biết Thucydides ghi chép lại số phận của đảo Melos trong cuộc chiến tranh Peloponnesse giữa Athens và Sparta vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên. Một đoạn trong ghi chép này, thường được gọi dưới cái tên "[Cuộc đối thoại ở Melos](#)", mô tả về cách mà những nhà lãnh đạo Athens đã quyết định biến Melos (đồng minh của Sparta) thành một phần đế chế của họ.

Theo đó, họ buộc Melos phải đầu hàng nếu không muốn một cuộc chiến tranh tổng lực. Phản ứng trước phương thức ngoại giao cưỡng ép này, người Melos hỏi người Athens liệu có thể chấp nhận và bảo hộ để họ trở thành một nước trung lập và thân thiện với Athens được không. Tuy nhiên, Athens đã từ chối lời đề nghị bằng cách viện dẫn ý kiến của người dân rằng: "dân tộc chúng tôi xem đó như là một biểu hiện của sự yếu đuối". Tiếp đó, người Melos cho rằng, kẻ yếu không phải luôn luôn thất bại trước kẻ mạnh: "trong chiến tranh, sự may mắn thường làm cho xác suất chiến thắng trở nên cân bằng hơn so với những gì người ta nghĩ nếu nhìn vào sự chênh lệch lực lượng". Việc đề cập tới phương cách chiến tranh bất cân xứng này không làm người Athens thay đổi, và vì thế người Melos chuyển qua phương thức rằng đe và nói rằng, "do chúng tôi yếu, chúng tôi tin rằng việc liên minh với Sparta sẽ bù đắp lại khuyết điểm này. Họ bị ràng buộc... và sẽ đến giúp chúng tôi". Những người Athens bác bỏ khả năng này và cho rằng người Sparta sẽ không đặt đất nước mình vào hiểm nguy để giúp Melos: "khi người ta quan tâm đến lợi ích của họ, họ sẽ muốn đảm bảo an toàn cho bản thân trước tiên... Và hiển nhiên, người Sparta sẽ không quá liều lĩnh".

Thương thuyết bất thành, người Melos phải ngoan cường đấu tranh để bảo vệ bản thân trước sự vây ráp của Athens trong một thời gian dài, nhưng cuối cùng cũng phải khuất phục do có sự phản bội từ bên trong. Và theo thông lệ, tất cả đàn ông đều bị tàn sát còn trẻ em và phụ nữ thì bị bán làm nô lệ. Đó chính là số phận

² Được trích dẫn trong tác phẩm của Seth Mydans và Wayne Arnold, 'Modern Singapore's Creator is Alert to Perils', *New York Times*, 2 September 2007, <http://www.nytimes.com/2007/09/02/world/asia/02singapore>.

ngàn đời của những nước nhỏ. Thucydides viết, “kẻ mạnh làm bất cứ những gì mình có thể và kẻ yếu luôn phải chấp nhận những gì mà họ phải chịu”.³

Trong một nỗ lực nhằm thay đổi kết cục thường là tất yếu này, sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, dưới dự lãnh đạo của tổng thống Woodrow Wilson, tư tưởng về quyền ‘tự quyết’ được hình thành và nó đã dẫn đến nền độc lập cho các dân tộc ở Đông Âu, những dân tộc đã từng là một phần lãnh thổ của đế chế Áo-Hung và đế chế Ottoman. Tuy nhiên, mọi chuyện trở lại như trước khi vào năm 1940, Bộ trưởng Ngoại giao của Stalin là V.M. Molotov tuyên bố rằng ‘kỷ nguyên của những nước nhỏ đã qua’.⁴ Tuyên bố này được đưa ra trong một cuộc đàm luận giữa ông với Ngoại trưởng Litva không lâu sau khi Liên Xô và Đức Quốc xã chia nhau bản đồ châu Âu.

Mô hình Phần Lan

Mặc cho những hạn chế hiển hiện đó, rất nhiều những nước nhỏ vẫn thành công trong việc bảo tồn bản sắc dân tộc riêng của mình qua hàng ngàn năm. Những nước này có một số yếu tố chung như sau: *thứ nhất*, đó là xu hướng hình thành một bản sắc mạnh mẽ trong vai trò một dân tộc riêng biệt với ngôn ngữ riêng và văn hóa riêng. Bản sắc đó đã chứng tỏ sự bền bỉ lớn hơn nhiều so với bất kỳ kiến trúc thượng tầng chính trị nào mà con người đã từng trải qua. Các đế chế có lúc hùng mạnh có lúc suy tàn; tuy nhiên, bản sắc của một dân tộc thì luôn luôn tồn tại. Nó giống như lời xướng ca “Chúng ta là một dân tộc - Wir sind ein Volk” của người Đức khi họ phá đổ bức tường Berlin. Tuy nhiên, một vài đế chế đã nhận thức được rằng, việc dung nạp một dân tộc nào đó sẽ dễ hơn là cố gắng hủy diệt ngôn ngữ và văn hóa của họ. Đây là điều mà các nước nhỏ đã có thể tận dụng bằng cách nhấn mạnh các đặc điểm riêng của mình. Đây là mô hình dưới thời đế chế Ottoman. Ngược lại, đế quốc Nhật đã tìm cách ngăn chặn việc sử dụng ngôn ngữ Triều Tiên trong suốt 35 năm trị vì đất nước này, điều đó dẫn đến sự thù hận dai dẳng của người dân Triều Tiên đối với Nhật Bản, và nó kéo dài hơn 70 năm sau khi kết thúc sự cai trị của Đế quốc Nhật.

Một yếu tố khác của những nước nhỏ nhưng ngoan cường đó là mong muốn tột độ được làm chủ đất nước chứ không phải bị đô hộ bởi thế lực bên ngoài. Họ có thể chấp nhận sự cai trị của một đế quốc trong một khoảng thời gian nhất định khi sự cai trị này tạm thời tốt hơn những gì trước đó. Tuy nhiên, cuối cùng thì sự cai trị

³ Đọc Thucydides (Rex Warner, trans.), *The Peloponnesian War*, Book 5, Chapter 7, ‘Sixteenth Year of the War. The Melian Debate’ (New York: The Penguin Classics, 1954), pp. 358–66

⁴ Được trích trong tác phẩm của Jakobson, *Finland in the New Europe*, p. 4.

đó cũng sẽ dẫn đến sự căm phẫn và sẽ bị lật đổ. Thêm vào đó, lãnh đạo của những nước nhỏ biết rằng bám vào truyền thống cũng như văn hóa bản địa sẽ giúp họ có được tính hợp pháp trong mắt người dân của mình. Và do đó, có những lợi ích to lớn buộc tầng lớp lãnh đạo chính trị phải duy trì bản sắc văn hóa đặc thù của quốc gia. Cuối cùng, thực tế cho thấy những quốc gia nhỏ nào thành công trước những người láng giềng hùng mạnh đều xuất phát từ việc coi trọng giáo dục – một công cụ quan trọng để nâng cao sự tự nhận thức và khuyến khích quyền tự chủ.

Đất nước Phần Lan là một minh chứng hoàn hảo cho những yếu tố này. Mặc dù Phần Lan không được xếp vào dạng quá dân tộc chủ nghĩa, nhưng bản sắc dân tộc lại là một điều quan trọng đối với người dân Phần Lan, nhất là những khi họ bị đe dọa. Văn hóa, được hiểu bao gồm những yếu tố như thiết kế, âm nhạc, và kiến trúc, là một phần quan trọng trong sự nhận thức về bản thân của người Phần Lan. Đất nước này sùng bái sự cố kết dân tộc (mới chỉ đạt được gần đây trong lịch sử thông qua việc nhấn mạnh ngôn ngữ và văn hóa Phần Lan), niềm tự hào dân tộc, kỹ năng điều hành đất nước, sức mạnh kinh tế, và sự quan tâm đối với giáo dục gần giống như tư tưởng của Nho giáo.

Trong quá trình cộng tác lâu dài của tôi với những người Phần Lan (bao gồm một nhiệm kỳ làm đại sứ Hoa Kỳ tại Phần Lan những năm 1980-1981), tôi đã chú ý thấy một vài nét văn hóa Phần Lan mà tôi tin rằng xuất phát từ vị thế của một nước nhỏ dễ bị tổn thương khi sát cạnh biên giới là, theo cách nói của họ, một gã “hàng xóm khổng lồ”.

Trước hết, đó là sự bảo vệ kiên cường các lập trường quốc gia. Thứ hai, đó là sự sẵn sàng thỏa hiệp đối với những chuyện nhỏ. Khi chúng ta đặt hai đặc điểm này lại với nhau, bạn sẽ hiểu những gì mà các nhà quan sát vẫn thường gọi một cách thiếu cặn là “Phần Lan hóa” (Finlandisation). Thuật ngữ này ngụ ý nói đến sự nhu nhược của Phần Lan trước Liên Xô. Tuy nhiên, sự thật thì hoàn toàn ngược lại. Phần Lan đã thể hiện một sự tự kiểm chế nhất định trong giai đoạn Chiến tranh lạnh nhằm tránh kích động Moscow. Chiến lược này có thể bị phê phán và nhiều người Phần Lan cũng lên án nó. Mặc dù vậy, cùng lúc đó, khối tư nhân ở Phần Lan vẫn nhanh chóng xây dựng những cơ sở hạ tầng và các hoạt động đặc thù của một nền kinh tế thị trường tự do tư bản chủ nghĩa.

Tôi trình quốc thư lên tổng thống Phần Lan vào mùa Xuân năm 1980 chỉ một vài tháng sau cuộc xâm lược của Liên Xô ở Afghanistan. Trong thời gian này, nhiều người vẫn đồn ở Washington rằng cuộc xâm lược của Liên Xô đã thực sự mở ra một chương mới trong lịch sử của nó: rằng Moscow đã bành trướng đế chế của họ ra bên ngoài lãnh thổ mà nó đã chiếm trước đây vào giai đoạn cuối của Chiến tranh

thế giới lần thứ hai. Lời đồn này còn cho rằng, Moscow đã có được sự tự tin từ vũ khí hạt nhân mà họ đang sở hữu, và do đó, giờ đây Moscow đã sẵn sàng sử dụng lực lượng quân đội để đạt được tất những gì phục vụ cho lợi ích địa chính trị của họ. Nhiều người tin rằng Phần Lan (trước đây là một phần của đế quốc Nga) sẽ là đối tượng tiếp theo dù cho nước này nằm ở vị trí phía bên kia của lục địa châu Á đối diện với Afghanistan.

Đáng chú ý là suy nghĩ này rất phổ biến ở Washington. Ở Phần Lan, hầu như không ai buồn nói đến nó. Như tất cả những quốc gia nhỏ khác, người dân Phần Lan luôn tự hào với bản sắc riêng của dân tộc mình và sự tự tin được hình thành từ đó. Milan Kundera đã viết về hiện tượng này ở những quốc gia nhỏ nói chung. Trong một phần bài viết của mình, ông đã trích lời của Franz Kafka đại ý rằng hiện tượng này “rõ ràng là một yếu tố sống còn”.⁵ Thường những nước lớn lại không quan tâm đến kiểu tự tin như vậy và bị cuốn theo cách hiểu của riêng họ.

Thế thì nhận thức về bản thân của người Phần Lan ảnh hưởng đến hành vi đàm phán của họ trong giai đoạn Chiến tranh lạnh như thế nào? Tổng thống lâu năm của Phần Lan, ông Urho Kekkonen, đã phải cố gắng hết sức để gây dựng niềm tin đối với Liên Xô. Người dân Phần Lan đã trao thưởng cho ông bằng cách âm thầm hỗ trợ ông trong những chiến dịch tranh cử. Một trong những câu khẩu hiệu của ông ấy là, “chúng ta càng gần gũi với phương Đông thì chúng ta càng dễ dàng đến với phương Tây”.

Sự trung lập là chiến lược xuyên suốt trong chính sách của ông. (Điều này được Washington đánh giá rất cao khi Helsinki, không giống với Stockholm, đã kiềm chế không phê phán Mỹ trong chiến tranh Việt Nam). Ở hậu trường, tôi nghe những nhà ngoại giao Liên Xô nói rằng Phần Lan rất kiên quyết trong việc bảo vệ những lợi ích cơ bản của họ trong quan hệ với Moscow. Họ nói rằng, từ “Mutta” (nghĩa là “nhưng”) là từ mà họ nghe thường xuyên nhất ở người Phần Lan. Bên cạnh nhiều thứ khác, trong giai đoạn Chiến tranh lạnh, Phần Lan đã thành công trong việc buộc Liên Xô phải di dời căn cứ hải quân ra khỏi lãnh thổ của Phần Lan. Căn cứ đó là một tàn dư của việc Phần Lan bị “bại trận” trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai mà tới lúc đó vẫn còn gây nhức nhối.

Giải thích hành vi của các nước nhỏ

Như vậy, những kinh nghiệm từ Phần Lan có thể giúp gì được cho chúng ta trong việc diễn giải hành vi của các nước nhỏ khác hay không? Tôi nghĩ là có. Ví dụ như

⁵ Milan Kundera, *The Curtain* (New York: Harper Perennial, 2005), pp.37–45.

Bắc Triều Tiên chẳng hạn. Thoạt nhìn, cả hai nước Phần Lan và Bắc Triều Tiên (nằm ở hai đầu của lục địa Á-Âu) đều không có điểm chung nào. Tuy nhiên, cả hai quốc gia này đều nằm sát cạnh những người hàng xóm khổng lồ và đều có trong mình một quyết tâm sinh tồn mạnh mẽ. Ở khía cạnh này, Triều Tiên, cũng giống như Phần Lan đều đã rất thành công trong việc tồn tại suốt hàng nghìn năm mặc dù, giống như người Triều Tiên thường nói, phải tồn tại như “một con tôm nhỏ bé bên cạnh những con cá voi khổng lồ”. Trong quyển sách *Triều Tiên ở ngã tư đường [Korea at the Crossroads]*, tác giả Bae Kichan đã chỉ ra một điểm đáng chú ý về vị trí địa chiến lược của Triều Tiên: đó là nằm liền kề “biên giới của những cường quốc lục địa và cường quốc biển,” đặc biệt là Trung Quốc và sau đó là Nhật Bản và Hoa Kỳ. Điều đó có nghĩa là quốc gia này sẽ dễ dàng trở thành “chiến trường bất cứ khi nào những cường quốc kia xảy ra chiến tranh”.⁶ Mặc dù vậy, nền văn hóa, ngôn ngữ, và bản sắc của Triều Tiên vẫn rất phát triển dù cho Triều Tiên ngày nay bị chia cắt ra thành hai miền Nam Bắc.

Việc Triều Tiên hiện nay bị chia ra làm hai có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai miền. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu có khuynh hướng tập trung nghiên cứu Bắc Triều Tiên hơn. Họ cố gắng tìm ra những đặc điểm, đặc tính để giải thích những hành vi kì lạ của đất nước này. Ví dụ, theo học giả người Mỹ Scott Snyder, một số những hành vi này xuất phát từ những đặc tính mà Bắc Triều Tiên chia sẻ với Hàn Quốc, cụ thể là nền tảng tư tưởng Nho giáo cũng như những kinh nghiệm trong giai đoạn là thuộc địa của Nhật Bản trước đây. Đồng thời, ông cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của những nhân tố đặc thù của Bắc Triều Tiên, bao gồm: truyền thống đấu tranh thân binh du kích được thực hiện trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai; việc thiết lập hệ thống xã hội chủ nghĩa sau khi kết thúc chiến tranh; sự phát triển của tư tưởng *Juche* (tự lực cánh sinh); sự sùng bái Kim Il-sung (Kim Nhật Thành) và con cháu của ông.⁷

Một nhà nghiên cứu khác về chính trị Triều Tiên, ông Selig Harrison, cho rằng việc Bắc Triều Tiên gần như hoàn toàn bị hủy diệt sau ba năm bị Mỹ ném bom trong cuộc chiến tranh liên Triều đã giúp viết lên một câu chuyện về một đất nước đã sống sót qua một giai đoạn tồi tệ nhất. Harrison cho rằng câu chuyện này chắc hẳn đã có những tác động nhất định lên nhận thức của Bắc Triều Tiên về sự phi thường của mình⁸.

⁶ Bae Kichan, *Korea at the Crossroads* (Seoul: Happy Reading Books, 2007), p. 438

⁷ Đọc Scott Snyder, *Negotiating on the Edge: North Korean Negotiating Behavior* (Washington DC: United States Institute of Peace Press, 1999), especially Chapter One, ‘The North Korean Context: Factors Shaping North Korean World Views’.

⁸ Selig S. Harrison, *Korean Endgame* (Princeton, NJ: Princeton University Press, 2002), pp. 8–9.

Sự thiếu hiểu biết lẫn nhau thường có trong mỗi quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ được thể hiện cụ thể và sâu sắc nhất trong trường hợp của Bắc Triều Tiên và Hoa Kỳ. Ở đây, tính “bảo thủ địa phương” (provincialism - theo cách gọi của Kundera) của hai quốc gia đã làm gia tăng sự khác biệt mà đáng lẽ ra chỉ xuất hiện trong những hoàn cảnh nhất định mà thôi.⁹

Một mặt, Bắc Triều Tiên, với tư cách là một quốc gia nhỏ với nhận thức sâu sắc rằng nó có thể biến mất chỉ sau một đêm, đã cố gắng làm nổi bật những đặc trưng quốc gia để chứng minh cho sự tồn tại của mình và, do đó, sẽ hành động một cách rất mạnh mẽ và dân tộc chủ nghĩa, thể hiện sự cứng đầu và tự lực cao độ.

Mặt khác, nước Mỹ với tư cách là một nước lớn, chủ yếu tập trung vào công việc nội bộ của họ và ý thức cao độ về giá trị và lợi ích của riêng mình, chỉ chú ý lơ mờ đến những công việc nội bộ của Bắc Triều Tiên một cách chung chung chứ không phải từng chi tiết cụ thể. Kết quả là không thể nào tránh được sự hiểu nhầm. Ví dụ, Bae Kichan cho rằng “mặc dù Bắc Triều Tiên đã duy trì một bản sắc độc lập với Trung Quốc qua hàng ngàn năm và có lịch sử kháng chiến chống Trung Quốc, Hoa Kỳ vẫn tin rằng Bắc Triều Tiên vẫn rất có thể bị lôi kéo vào tầm ảnh hưởng của Trung Quốc bất chấp các lực cản, và do đó, cần có Nhật Bản hỗ trợ để kéo nó thoát ra khỏi tay Trung Quốc”.¹⁰ Với tư cách là người từng giữ những chức vụ cấp cao trong chính phủ Hàn Quốc, ông cho rằng nếu bán đảo Triều Tiên được thống nhất, nó sẽ trở thành một đất nước ‘Thụy sĩ lớn’ khác, ‘một thành phố chói sáng trên đồi’.¹¹

Tính bất đối xứng trong quan hệ quốc tế

Bộ trưởng Ngoại giao trước đây của Liên Xô là Andrei Gromyko được cho là đã dành hàng giờ đồng hồ mỗi tuần để nhìn chăm chăm vào tấm bản đồ thế giới.¹² Đây

⁹ Kundera, *The Curtain*, pp. 37–43. In a more political analysis in his essay ‘Czech Destiny’ (*Listy*, no. 7–8, 1968, pp. 1,5, translated by Tim West and available at http://www.academia.edu/2503513/Czech_Destiny_Milan_Kundera_), Kundera mô tả tác phẩm ‘mentality of great powers and the mentality of small nations’ tạm dịch “tâm tính của những siêu cường và tâm tính của những nước nhỏ”. Ông ấy cho rằng một siêu cường ‘có khuynh hướng tự cho mình cái quyền vĩ đại là cứu rỗi thế giới’ và ‘có khuynh hướng hướng ngoại về mặt chính trị ... tuy nhiên, xét dưới góc độ văn hóa thì khá ích kỷ’.

¹⁰ Bae Kichan, *Korea at the Crossroads*, p. 430

¹¹ *Ibid.*, pp. 440–3. Bae Kichan chính xác dùng những từ sau: ‘We must turn Korea into a city shining on the hill’. Tôi sử dụng một câu cũng cùng nghĩa như vậy mà người Mỹ thường hay dùng.

¹² Đọc tác phẩm của Zbigniew Brzezinski, *Game Plan, How to Conduct the U.S.–Soviet Contest* (Boston, MA: The Atlantic Monthly Press, 1986), p. 3: ‘several times a week [Gromyko] made it a special point to retire from his busy office to a small and private study where he could meditate in solitude ... [and] where a comfortable armchair faced a large wall map of the world. “For an hour or

không phải là một ý tưởng tồi chút nào. Nếu chúng ta nhìn vào bản đồ thế giới đương đại, chúng ta sẽ thấy được rất nhiều những nước nhỏ. Trừ một số ngoại lệ, như Pakistan chẳng hạn, họ đã khá thành công. Những quốc gia đó không phải là những nước chư hầu. Họ có rất nhiều quyền tự do hành động. Như vậy, điều gì đang xảy ra ở đây? Tại sao số lượng các nước nhỏ lại không trở nên ít đi?

Những câu hỏi như thế của người Mỹ (cứ cho là họ có thể trút khỏi tư tưởng 'bảo thủ địa phương' với tư cách là công dân của một cường quốc đồng thời thấu hiểu suy nghĩ, tư tưởng của người dân ở các nước nhỏ) dường như dẫn đến hai vấn đề khác. Thứ nhất là làm thế nào để đối phó với tình trạng bất đối xứng vốn được những nước nhỏ khai thác để mang lại lợi thế cho mình. Thứ hai là tình trạng xói mòn của sự răn đe hay cưỡng bức với tư cách là một công cụ của chính sách đối ngoại Hoa Kỳ. Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ trước đây, ông George Shultz, đôi khi đề cập đến cái gọi là 'kỷ nguyên của sự bất đối xứng' bởi ông nhận thấy những cách thức và biện pháp bất đối xứng đã được sử dụng ngày càng nhiều nhằm chống lại Mỹ và các nước bạn bè.¹³ Theo ông đó chính là lực lượng Hamas, Hizbullah cũng như al-Qaeda, bên cạnh đó còn là những nước tương đối yếu khác như Iran và Bắc Triều Tiên vốn có khả năng thách thức sức mạnh của Hoa Kỳ mà không bị trừng phạt. Trong khi đó, các loại hình răn đe (không tính đến vũ khí hạt nhân) ngày càng giảm vai trò. Nói một cách đơn giản, ngày càng ít các thách thức đối với lợi ích của Hoa Kỳ có thể được xử lý bằng các chính sách răn đe vốn được xây dựng dựa trên việc đe dọa (các nước khác).

Một học giả của trường Đại học Toronto, ông Emanuel Adler, đã viết về một kịch bản 'hai bên cùng thua' trong cuộc đối đầu bất đối xứng.¹⁴ Cái thua đầu tiên xuất hiện khi một quốc gia đang bị đe dọa cự tuyệt lại chính sách cưỡng ép của kẻ thù. Cái thua thứ hai xuất hiện khi những xung đột bất đối xứng bắt đầu xảy ra. Dĩ nhiên là không phải bất kì trường hợp nào cũng diễn ra theo cách này. Tuy nhiên, các nước nhỏ đã có vị thế ngày càng thuận lợi hơn trong tranh chấp với những nước lớn so với các thế kỷ trước. Một học giả người Úc, ông Andrew Mack, đã chỉ ra

so" Gromyko said, "I do nothing but sit here, looking at that map and reflecting..." tạm dịch "Một đặc điểm ở Gromyko là ông thường dành vài buổi trong tuần để tách khỏi văn phòng bận rộn của mình và ngồi vào một căn phòng nhỏ và riêng tư nơi mà ông có thể chiêm nghiệm một mình... [và] nơi đó với một cái ghế bành thật thoải mái đặt đối diện với một tấm bản đồ thế giới được treo trên tường "trong vòng khoảng 1 giờ đồng hồ". Gromyko nói, "tôi không làm gì ngoài việc ngồi đây, nhìn chăm chú vào bản đồ và nghĩ ngợi".

¹³ Tìm đọc, ví dụ như tác phẩm của George P. Shultz, *Issues on My Mind: Strategies for the Future* (Stanford, CA: Hoover Institution Press, 2013), pp. 73–6

¹⁴ Emanuel Adler, 'Complex Deterrence in the Asymmetric Warfare Era', in T.V. Paul, Patrick M. Morgan and James J. Wirtz (eds), *Complex Deterrence: Strategy in the Global Age* (Chicago, IL: University of Chicago Press, 2009), pp.85–108.

điều này cách đây vài năm, và khuynh hướng này vẫn tiếp tục diễn ra mạnh hơn kể từ đó.¹⁵

Kết luận rút ra từ cuộc “Đổi thoại ở Melos” (rằng kẻ mạnh toàn quyền quyết định, kẻ yếu chỉ biết chấp nhận) giờ đây không còn thể hiện được tất cả những gì đang diễn ra trong thế giới đương đại. Các nước nhỏ thường sẽ hành xử theo cách riêng của mình khi phải đối đầu với những kẻ mạnh và dữ tợn. Đôi khi, sự thỏa hiệp lẫn nhau lại là một đáp án thỏa đáng. Có lúc việc sa lầy vào cuộc chiến với một nước nhỏ là điều không đáng công sức đối với một nước lớn. Mặc cho những bài học của lịch sử, nhiều quốc gia nhỏ vẫn sống sót và trong nhiều trường hợp còn phát triển thịnh vượng hơn. Ngược lại, những nước lớn có lúc cũng phải lâm vào những giai đoạn cực kỳ khó khăn.

Trong khi đó, sự ra đời của quá trình toàn cầu hóa làm cho tiến trình phân mảnh của các nước trên thế giới trở thành một đặc điểm nổi bật như chính quá trình hội nhập giữa các nước này. Sự tăng lên của các phong trào đòi độc lập ở những nơi như Scotland và Catalonia có vẻ như xuất phát từ niềm tin rằng chính phủ của các nước hầu như không thể quản lý nổi tất cả những vấn đề xuyên biên giới mà họ đang phải đối mặt, và rằng sự cứu rỗi nằm ngay chính ở những giải pháp gần gũi hơn với lợi ích của người dân. Quan điểm này có thể không đúng, tuy nhiên, điều này lại có vẻ thôi thúc các khao khát hình thành các thực thể nhỏ hơn. Có vẻ Molotov đã sai: kỷ nguyên của các quốc gia nhỏ chưa kết thúc, nó thực sự chỉ mới bắt đầu.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc

¹⁵ Andrew Mack, ‘Why Big Nations Lose Small Wars: The Politics of Asymmetric Conflict’, *World Politics*, vol. 27, no. 2, January 1975, pp. 175–200

giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tập san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
